

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2018/HNGĐ - ST.**
Ngày: 08/6/2018.

“V/v : Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đồng.

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018, về việc *“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị L, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm 4 - Thôn 1 - xã G - huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Tôn Long B, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm 4 - Thôn 1 - xã G - huyện T - Bình Thuận: Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi liên quan:* Em Tôn Long Tr, sinh ngày 24/4/2001; địa chỉ: Xóm 4 - Thôn 1 - xã G - huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – Chị Dương Thị L trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L và anh Tôn Long B tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã G vào ngày 02/10/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 09/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị L cho rằng do anh B có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau; thỉnh thoảng anh B có đánh đập chị L. Trước đây chị L đã từng làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh B hứa sẽ thay đổi tính tình; chị L vì thương các con và muốn níu kéo hạnh phúc gia đình nên đã rút đơn khởi kiện. Thế nhưng, từ đó đến nay anh B vẫn tiếp tục quan hệ ngoại tình nên vợ chồng không chung sống hạnh phúc với nhau. Chị L xác định không còn tình cảm với anh B và không muốn tiếp tục chung sống với nhau nên chị L yêu cầu giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Chị L và anh B có hai người con chung tên là Tôn Thị Mỹ V, sinh ngày 11/11/1999 và Tôn Long Tr, sinh ngày 24/4/2001. Nếu ly hôn, chị L tôn trọng nguyện vọng của con về việc lựa chọn người nuôi dưỡng, nếu các con lựa chọn sống với chị L thì chị L đồng ý nuôi con. Đối với Tôn Thị Mỹ V đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên chị L không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh B tự thỏa thuận giải quyết.

[2]. Theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, bị đơn – Anh Tôn Long B trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1999 anh Tôn Long B và chị Dương Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Đến đầu năm 2017 do anh B không lo làm ăn để chăm sóc gia đình nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay anh B vẫn còn tình cảm chị L nên anh B không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh B và chị L có hai người con chung tên là Tôn Thị Mỹ V, sinh ngày 11/11/1999 và Tôn Long Tr, sinh ngày 24/4/2001. Nếu ly hôn, anh B tôn trọng nguyện vọng của con. Đối với Tôn Thị Mỹ V đã thành niên và có khả năng lao động nên anh B không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh B và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Em Tôn Long Tr trình bày như sau:

Thời gian qua, em Tr thấy thỉnh thoảng cha mẹ em có gây gỗ, cãi vã nhau. Nếu cha mẹ em Tr ly hôn thì em Tr có nguyện vọng được sống với mẹ.

[4]. Những chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – Chị Dương Thị L đã cung cấp cho Tòa án những chứng cứ sau:

- 01 Giấy chứng nhận kết hôn.

- 01 Trích lục khai sinh (bản sao) mang tên Tôn Thị Mỹ V và Tôn Long Tr.

Ngoài ra, vào ngày 08/5/2018, Tòa án đã tiến xác minh tại địa phương xã G về tình trạng quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh B, chị L.

[4]. Những vấn đề các đương sự đã thống nhất:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L và anh Tôn Long B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G vào năm 1999.

- Về con chung: Anh B và chị L có hai người con chung tên là Tôn Thị Mỹ V, sinh ngày 11/11/1999 và Tôn Long Tr, sinh ngày 24/4/2001. Nếu ly hôn, anh B và chị L đều tôn trọng nguyện vọng của con về việc lựa chọn người nuôi dưỡng. Đối với Tôn Thị Mỹ V đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên anh B và chị L không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh B, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

- Anh B, chị L không thống nhất việc ly hôn. Cụ thể: Chị L cho rằng hiện nay chị L không còn yêu thương anh B, nhận thấy cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, chị L không muốn tiếp tục cuộc sống với anh B nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; còn anh B cho rằng hiện nay anh B còn yêu thương chị L nên anh B không đồng ý ly hôn.

[6]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

- Ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 20015.

- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Dương Thị L được ly hôn với anh Tôn Long B.

Về con chung: Giao cháu Tôn Long Tr, sinh ngày 24/04/2001 cho chị L nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản.

Về án phí: Chị Dương Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã triệu tập anh Tôn Long B hai lần hợp lệ nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Theo đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Tôn Long B là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ pháp luật trong vụ án:*

Chị Dương Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và giải quyết việc nuôi con. Ngoài ra các bên đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Ly hôn và tranh chấp về việc nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS là phù hợp.

[3]. *Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn – Chị Dương Thị L:*

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Dương Thị L và anh Tôn Long B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 1999, tại UBND xã G, huyện tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Mặc dù, anh Tôn Long B cho rằng vẫn còn tình cảm với chị L và mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống lại với nhau nên không đồng ý ly hôn. Thế nhưng, tại phiên tòa chị L xác định do anh B có quan hệ với người phụ nữ khác nên chị L nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc; vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Thời gian qua anh B vẫn không thay đổi được tính từ nên chị L không còn tình cảm với anh B. Chị L và anh B đã sống ly thân với nhau. Các bên không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên chị L không đồng ý quay về sống chung với anh B mà đề nghị giải quyết ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 08/5/2018 thể hiện: Trong cuộc sống anh B và chị L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi vã lẫn nhau. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Ngoài ra, tại phiên tòa em Tôn Long Tr (là con chung của chị L và anh B) trình bày: Thời gian qua anh B, chị L có nhiều lần xảy ra gây gổ, cãi vã nhau.

Nhận thấy: Cuộc sống vợ chồng anh B, chị L đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài cho đến nay, vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu giải quyết ly hôn của chị L là hoàn toàn chính đáng và có căn cứ. Vì vậy, cần xử cho chị Dương Thị L được ly hôn với anh

Tôn Long B là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về yêu cầu giải quyết việc nuôi con của nguyên đơn – Chị Dương Thị L:

Anh B và chị L có hai người con chung tên là Tôn Thị Mỹ V, sinh ngày 11/11/1999 và Tôn Long Tr, sinh ngày 24/4/2001. Chị L và anh B đều tôn trọng nguyện vọng của con. Tại phiên tòa, em Tôn Long Tr trình bày: Nếu chị L và anh B ly hôn thì có nguyện vọng được sống với chị L. Chị L đồng ý nuôi Tôn Long Tr cho đến khi thành niên.

Xét thấy: Từ khi chị L và anh B sống ly thân cho đến nay, em Tôn Long Tr do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi Tôn Long Tr cho đến khi thành niên. Cho nên, cần tiếp tục giao Tôn Long Tr cho chị L có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Đối với Tôn Thị Mỹ V đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh B không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí: Cần buộc chị Dương Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà Nước là phù hợp với Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho chị Dương Thị L được ly hôn với anh Tôn Long B và giao con chung là Tôn Long Tr cho chị L nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56 các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L được ly hôn với anh Tôn Long B.

Về con chung:

- Tiếp tục giao cho chị Dương Thị L có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên Tôn Long Tr, sinh ngày 24/4/2001 cho đến khi thành niên.

Anh Tôn Long B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị L nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con; chị L không được ngăn cản.

- Về án phí: Buộc Chị Dương Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà Nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số N0 0012421, ngày 23/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị Dương Thị L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án – Ngày 08/6/2018. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- C.C Thi hành án DS;
- UBND xã G (thay TB);
- Lưu VP, án văn, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yên